TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08 /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24-3-2021
V/v tranh chấp "hôn nhân và gia đình, ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông La Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương;

2. Bà Lê Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Thanh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang không tham gia phiên tòa: do không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình, ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HN ngày 08 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HN ngày 24/02/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Bảo N, sinh năm 1997, nơi cư trú: Ấp HTB, xã PT, huyện TS, tỉnh An Giang, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn*: Ông CHUNG MING C, sinh năm 1981, nơi cư trú: Số 137, lộ BT, khóm 002, phố BP, khu TT, thành phố TB, Đài Loan, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bảo N trình bày:

Bà và ông CHUNG MING C do mai mối tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện TS cấp giấy chứng nhận kết số 126 ngày 13/11/2019. Sau thời gian chung sống, đến tháng 5 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn bất hòa về quan điểm, công việc, ngôn ngữ. Ông CHUNG MING C trở về Đài Loan không trở lại Việt Nam, không liên lạc, bà N sống ở Việt Nam. Bà N khởi kiện ly hôn ông CHUNG MING C.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông CHUNG MING C đã được Tòa án làm thủ tục ủy thác tư pháp tống đạt Thông báo thụ lý và Lịch làm việc của Tòa án và đã có kết quả ủy thác nhưng đến nay ông CHUNG MING C vẫn không có ý kiến gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

Chủ tọa phiên tòa công bố lý do nguyên đơn vắng mặt và đơn đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt ghi ngày 13/10/2020.

Chủ tọa phiên tòa công bố tóm tắt nội dung vụ án nguyên đơn kiện bị đơn ly hôn và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn cư trú Việt Nam, bị đơn cư trú tại Số 137, lộ BT, khóm 002, phố BP, khu TT, thành phố TB, Đài Loan. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ghi ngày 13/10/2020; bị đơn đã được Tòa án làm thủ tục ủy thác tư pháp tống đạt Thông báo thụ lý và Lịch xét xử của Tòa án và đã có kết quả ủy thác nhưng đến nay ông CHUNG MING C vẫn không có ý kiến gửi cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1 điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung, xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Do mai mối, nguyên đơn và bị đơn đã tìm hiểu, yêu thương nhau, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân huyện TS cấp giấy chứng nhận kết hôn số 126 ngày 13/11/2019, được công nhận là hôn nhân.

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn thì mâu thuẫn phát sinh từ bất đồng về quan điểm sống, ngôn ngữ, ông CHUNG MING C về Đài Loan không trở lại Viêt Nam, còn bà ở lại Viêt Nam. Ông bà cũng không thư từ hay điện thoại gì với nhau trong thời gian dài. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nguyên đơn khởi kiện ly hôn bị đơn.

Thấy rằng, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc cho bà N và ông CHUNG MING C. Xét, chấp nhận theo yêu cầu bà N được ly hôn ông CHUNG MING C theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Bảo N xác định không có tài sản chung và nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện và xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung bà N và ông CHUNG MING C trong thời kỳ hôn nhân thì bà N và ông CHUNG MING C phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Về lệ phí ủy thác tư pháp, bà Nguyễn Thị Bảo N phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bảo N.

1. Bà Nguyễn Thị Bảo N được ly hôn ông CHUNG MING C.

Giấy chứng nhận số 126, ngày 13/11/2019 của Ủy ban nhân dân huyện TS, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bảo N xác định không có tài sản chung và nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có người khởi kiện và xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung bà N và ông CHUNG MING C trong thời kỳ hôn nhân thì bà N và ông CHUNG MING C phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự.

5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Bảo N phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005759 ngày 08/10/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà N đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về lệ phí ủy thác tư pháp: Bà Nguyễn Thị Bảo N phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số: 0007403 ngày 13/10/2020 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà Nguyễn Thị Bảo N đã nộp đủ lệ phí ủy thác.

Bà Nguyễn Thị Bảo N được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Thời hạn kháng cáo của ông CHUNG MING C là 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Cương **Lê Kim Chi** **La Hồng**